TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 10- 2019
"*V/v Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước

2. Bà Võ Ngọc Các

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Như – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà*:* Bà Đồ Ngọc Tuyền-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 9 năm 2019 và ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Xuân H, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 55/8, đường TĐT, Khóm N, phường S, thành phố S, tỉnh S.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Phong Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: TDP8, KK, huyện KB, tỉnh ĐL

Địa chỉ tạm trú: Số 55/16, đường TĐT, Khóm N, phường S, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-6-2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân H và ông Huỳnh Phong Q tự nguyện sống chung vào năm 1998 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Q thường hay ghen dùng những lời nói không hay, bà H đã nhiều lần khuyên giải như không được. Bà và ông Q không còn sống chung như vợ chồng từ tháng 7 năm 2017 đến nay.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông Q có ba (03) người con chung tên Huỳnh Xuân H, sinh ngày 18/12/1999, Huỳnh Trung H, sinh ngày 30/8/2003, Huỳnh Trung H, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay cháu H và cháu H đang sống cùng ông Q, còn cháu H đã trên 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết không công nhận bà H và ông Q là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu Huỳnh Xuân H, sinh ngày 18/12/1999 đã trên 18 tuổi có cuộc sống riêng nên không yêu cầu, còn Huỳnh Trung H, sinh ngày 30/8/2003, Huỳnh Trung H, sinh ngày 12/11/2007 đồng ý giao cho ông Q nuôi dưỡng đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2019,biên bản lấy lời khai ngày 30/9/2019,bị đơn ông Huỳnh Phong Q trình bày*: Ông thống nhất với nội dung

trình bày của bà H về thời điểm sống chung, về việc không có đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn gia đình, về con chung về tài sản chung và nợ chung.

- Về quan hệ hôn nhân ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì ông còn thương bà Nguyễn Xuân H.

- Về con chung: Trường hợp nếu Tòa án không công nhận ông với bà H là vợ chồng thì ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Trung H, sinh ngày 30/8/2003, Huỳnh Trung H, sinh ngày 12/11/2007 đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu bà H không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là cháu Huỳnh Xuân H, sinh ngày 18/12/1999 đã trên 18 tuổi có cuộc sống riêng nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu.

- Về nợ chung: Ông Q cho rằng ông và bà H có vay tiền của Ngân hàng nhưng ông không cung cấp, tài liệu chứng cứ vay ở Ngân hàng và ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Huỳnh Phong Q thực hiện không đúng theo quy định vắng mặt tại phiên Tòa. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: không công nhận bà H và ông Q là vợ chồng. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của bà H. Đối với cháu Huỳnh Xuân H, sinh ngày 18/12/1999 đã trên 18 tuổi có cuộc sống riêng, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Về nợ chung: Các đương sự không cung cấp được chứng cứ có nợ nên không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Xuân H khởi kiện ông Huỳnh Phong Q về việc không công nhận quan hệ vợ chồng là quan hệ tranh chấp được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với ông Q là bị đơn có địa chỉ tạm trú: Số 55/16, đường Tôn Đức Thắng, Khóm 5, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn Huỳnh Phong Q có mặt tham gia phiên tòa vào ngày 30/9/2019 nhưng phiên Tòa được tạm ngừng đến ngày 21/10/2019, vụ án được tiếp tục tiến hành phiên Tòa thì ông Huỳnh Phong Q vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Huỳnh Phong Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà H và ông Q sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống từ năm 1998 đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Q thường hay ghen nên không còn hạnh phúc. Kể từ tháng 7 năm 2017 đến nay bà H và ông Q không còn chung sống với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Xuân H và ông Huỳnh Phong Q không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, bà H và ông Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa hai người không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Xuân H và ông Huỳnh Phong Q.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Đối với cháu Huỳnh Trung H, sinh ngày 30/8/2003, Huỳnh Trung H, sinh ngày 12/11/2007, bà H đồng ý giao cho ông Q nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà H không cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng cháu H, cháu H, ông Q cũng đồng ý nuôi con Huỳnh Trung H và Huỳnh Trung H và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà H.

Đối với cháu Huỳnh Xuân H, sinh ngày 18/12/1999 đã trên 18 tuổi có cuộc sống riêng, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn Nguyễn Xuân H và bị đơn Huỳnh Phong Q có vay tiền tại Ngân hàng nhưng không cung cấp, tài liệu chứng cứ vay ở Ngân hàng và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc khác bà H và ông Q trình bày tại phiên tòa ngày 30/9/2019 là ông bà có vay tiền tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông nên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng có gởi công văn số 02/2019/CV-TA, ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông để cung cấp cho Tòa án biết việc bà H và ông Q có vay ở Ngân hàng không nhưng phía Ngân hàng thương mại Cổ phần Phương Đông không phúc đáp cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, khi nào Ngân hàng có yêu cầu sẽ khởi kiện vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Lời đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Xuân H và ông Huỳnh Phong Q.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Trung H, sinh ngày 30/8/2003, Huỳnh Trung H, sinh ngày 12/11/2007 cho ông Huỳnh Phong Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà Nguyễn Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Xuân H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Bà Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Xuân H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đồng theo biên lai thu tiền số 0007569 ngày 17/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bà Nguyễn Xuân H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố ST;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự thành phố ST;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lý Bích Khiếm